

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 536/2024/DS-PT

Ngày: 12/11/2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng
mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính;

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu;

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 193/2024/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 455/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị Tuyết M - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Phạm Hoàng M1**, sinh năm: 1983 (có mặt)

2.2. Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm: 1960 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Bùi Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

- Bà kinh doanh mua bán lúa, gạo, nếp. Năm 2021 bà có đến nhà máy N1 của bà Trần Thị Đ và Phạm Hoàng M1 để xay xát và đứng ra bán số gạo, nếp, tấm, cám cho bà cụ thể 02 ghe của 02 ngày như sau:

Ghe ngày 03/3/2021 gồm:

+ Nếp 389 bao gạo nếp, mỗi bao 50 kg, giá 10.300 đồng/kg, thành tiền là 200.335.000 đồng, cụ thể:

+ Tấm 1: 80 bao x 50 kg/bao = 4000kg x 9.700 đồng/kg thành tiền 38.800.000 đồng.

+ Tấm 2: 11 bao x 50 kg/bao = 550kg x 8.000 đồng/kg thành tiền 4.400.000 đồng.

+ Tấm 3: 11 bao x 50 kg/bao = 550kg x 6.000 đồng/kg thành tiền 3.300.000 đồng.

+ Phế 1: 02 bao x 50 kg/bao = 100kg x 8.500 đồng/kg thành tiền 850.000 đồng.

+ Phế 2: 04 bao x 50 kg/bao = 200kg x 8.000 đồng/kg thành tiền 1.600.000 đồng.

+ Cám: 67 bao x 69 kg/bao x 6.200 đồng/kg thành tiền 28.662.600 đồng.

Tổng cộng ghe ngày 03/3/2021 thành tiền là 277.947.600 đồng.

Ghe ngày 08/3/2021 gồm:

+ Gạo Nếp 284 bao, mỗi bao 50 kg, giá 10.300 đồng/kg, thành tiền là 146.260.000 đồng.

+ Cám: 49 bao x 69 kg/bao = 3.381kg x 6.200 đồng/kg thành tiền 20.962.200 đồng.

+ Tấm 1: 38 bao x 50 kg/bao = 1.900kg x 10.000 đồng/kg thành tiền 19.000.000 đồng.

+ Tấm 3: 03 bao x 50 kg/bao = 150kg x 8.000 đồng/kg thành tiền 1.200.000 đồng.

+ Tấm Khúc: 145kg x 8.500 đồng/kg thành tiền 1.232.500 đồng.

+ Phế: 07 bao x 50 kg/bao = 350kg x 8.500 đồng/kg thành tiền 2.975.000 đồng.

Tổng cộng ghe ngày 08/3/2021 thành tiền là 191.629.700 đồng.

- Vậy tổng cộng 02 ghe ngày 03/3/2021 và ngày 08/3/2021 số tiền là 469.577.300 đồng.

Tuy nhiên bà có nhận lại 210 bao gạo Nếp của ghe ngày 08/3/2021 trị giá thành tiền là 108.150.000 đồng. Như vậy, số tiền nhà máy N1 bán cho bà 361.427.300 đồng, sau đó có trả cho bà 0 lần số tiền 278.058.000 đồng. Hiện còn nợ bà số tiền 83.369.300 đồng.

Nay bà yêu cầu anh Phạm Hoàng M1 và bà Trần Thị Đ cùng trả bà số tiền 83.369.300 đồng và tiền lãi phát sinh.

** Theo tờ tự khai đề ngày 26/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:*

- Bà L là bạn hàng mua bán lúa gạo, bà thường đem lúa gạo đến nhà máy X và nhờ bà bán dùm. Năm 2021 bà là người đại diện của nhà máy N1 nhận xay gia công cho bà L 02 ghe lúa, nếp và bán dùm số lượng gạo, tấm, nếp, cám nhưng do bà L có lấy một số gạo, nếp, tấm, cám... bán riêng, số bà bán cho bà L thì bà có ghi hóa đơn của nhà máy cho bà L và khi trả tiền bà ghi chữ "R" (chữ "R" viết tắt là Rồi) trên hóa đơn để biết hóa đơn đã trả xong tiền, theo 02 hóa đơn bà L cung cấp thì bà đã trả tiền xong có ghi chữ "R", bà không còn thiếu tiền bà L.

- Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Theo tờ tự khai đề ngày 26/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Hoàng M1 trình bày:*

- Anh là chủ nhà máy N1, bà Trần Thị Đ là mẹ của anh, về pháp nhân anh là người đứng tên đăng ký kinh doanh, nhưng thực tế mẹ anh là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của nhà máy.

Nhà máy anh chỉ xay gia công, không có mua bán lúa, gạo, nếp của bà L. Việc bà L đến xay gạo nếp có nhờ mẹ anh bán thế nào anh không biết.

Riêng anh không có nhận bán gạo, nếp gì của bà L. Việc bà L nhờ mẹ anh bán G, N, T, C thế nào thì anh không biết. Do vậy anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 193/2024/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị Đ và anh Phạm Hoàng M1 cùng trả số tiền 83.368.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 16 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn bà Bùi Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 193/2024/DS-ST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư Phạm Thị Tuyết M trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Bùi Thị L: Bà Đ thừa nhận có nhận xay 02 ghe Nếp cho bà L và bán dùm thành phẩm là gạo Nếp, tấm N và cám theo 02 hóa đơn ngày 03 và 08/3/2021. Tuy nhiên, khi tính tiền hóa đơn ngày 08/3/2021 ghi tính tiền số lượng thiếu ra số tiền là 8.369.300 đồng, số tiền còn lại trả chưa đủ cho bà L là 75.000.000 đồng, tổng cộng số tiền còn nợ 83.369.300 đồng như lời bà L khai là có căn cứ nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

Bị đơn anh Phạm Hoàng M1 và bà Trần Thị Đ thống nhất trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 193/2024/DS-ST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 148; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 193/2024/DS-ST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Đ, anh Phạm Hoàng M1 liên đới trả tiền gửi bán Gạo nếp, Tấm nếp, C nếp. Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 02/7/2024, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 193/2024/DS-ST. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn bà Bùi Thị L nộp đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn bà L còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo:

[3.1]. Xét hợp đồng mua bán tài sản xác lập giữa bà L và bà Đ: Việc thỏa thuận bà Đ đứng ra bán Gạo nếp, Tầm nếp, C nếp cho bà L là giao dịch giữa bà L và bà Đ không liên quan đến hoạt động của Nhà máy N1. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L cũng xác định việc thỏa thuận mua bán dùm số Gạo nếp, Tầm nếp, Cám nếp là giao dịch giữa bà L với bà Đ, không liên quan đến anh M1, do vậy việc bà yêu cầu anh M1 cùng bà Đ trả tiền bán dùm số Gạo nếp, Tầm nếp, Cám nếp trên là không có căn cứ.

[3.2]. Sau khi bà Đ bán xong số Gạo nếp, Tầm nếp, Cám nếp bà có ra các hóa đơn số lượng qui thành tiền đề ngày 04/10/2021 và bà Đ trả cho bà L 06 lần tiền. Bà L cho rằng bà Đ còn thiếu số tiền là 75.000.000 đồng và theo số lượng của hóa đơn tính tiền đề ngày 04/10/2021 thiếu so với số lượng 02 hóa đơn ngày 03/3/2021 và ngày 08/3/2021 với số tiền là 8.369.300 đồng, tổng cộng thiếu số tiền là 83.369.300 đồng. Xét thấy, sau khi xay xong bà L có lấy 01 số gạo Nếp bán lẻ riêng, số còn lại thực tế bà Đ bán có ra 03 hóa đơn ngày 04/10/2021 số lượng bà bán thực tế và tính tiền thì bà L đã thống nhất số lượng, nhận hóa đơn và bà Đ đã thanh toán tiền xong cho bà L theo 03 hóa đơn đề ngày 04/10/2021.

[3.3]. Đối với số tiền 75.000.000 đồng, theo lời bà Đ khai bà trả cho bà L làm 02 lần: 01 lần 65.000.000 đồng và 01 lần 10.000.000 đồng. Bà L khi nhận tiền đã ghi vào sổ do bà L giữ nhưng trong vụ án này bà L khai không có tài liệu này. Năm 2022, bà L có kiện bà Đ, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý số 94/2022/TLST-DS ngày 11/3/2022, bà L có cung cấp cho Tòa án 01 bản phô tô từ sổ của bà được đánh bút lục số 07, vụ án đã được xét xử theo bản án số 44/2023/DS-ST, ngày 29/3/2023, bà L kháng cáo. Tại phiên tòa Phúc thẩm bà rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định Hủy bản án sơ thẩm và Đình chỉ số 374/2023/QĐ-PT ngày 11/7/2023. Căn cứ, bút lục số 07 có nội dung “Hai 65/16/6; Hai 10/31/5” (hai bên thống nhất được hiểu là vào ngày 16/6/2021 số tiền 65.000.000 đồng và ngày 31/5/2021 số tiền là 10.000.000 đồng). Bà L cho rằng do bà Đ chưa trả tiền nhưng bà Đ lại ghi vào sổ của bà nên bà có dùng bút lông tự xóa gạch ngang, nhận thấy sổ ghi thanh toán tiền là của bà L giữ và khi thanh toán tiền bà đưa sổ cho bà Đ và các hóa đơn đề ngày 04/10/2021 thì bà Đ mới ghi được vào sổ của bà và chữ “R” vào các hóa đơn, việc bà tự gạch xóa nhưng không được bà Đ thừa nhận. Trong vụ án này bà L khai không có giấy trả tiền theo bút lục số 07 trong hồ sơ vụ án thụ lý số 94/2022/TLST-DS là không phù hợp thực tế.

[3.4]. Trong 03 hóa đơn đề ngày 04/10/2021 (có 01 hóa đơn số tiền là 65.693.000 đồng trừ đi số tiền ứng 45.700.000 đồng thì bà Đ còn nợ lại bà L số tiền 20.000.000 đồng). Bà Đ đã ghi vào hóa đơn còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng và đưa lại hóa đơn cho bà L. Như vậy, khẳng định hai hóa đơn còn lại không có ghi nợ lại xem như đã thanh toán tiền xong. Tại thời điểm tính tiền ra ba hóa đơn đề ngày 04/10/2021 bà L không phản đối và đồng ý nhận hóa đơn. Về số tiền ghi còn nợ 20.000.000 đồng tại phiên tòa bà L thừa nhận bà Đ đã trả xong số tiền 20.000.000 đồng này nên việc bà L khai bà Đ còn nợ lại số tiền 75.000.000 đồng là không có cơ sở.

[3.5]. Bà L và bà Đ cùng thống nhất phương thức mua bán và thanh toán tiền giữa hai bên là ghi hóa đơn số lượng Gạo, T, C sau đó qui ra tiền, khi thanh toán tiền xong bà Đ sẽ ghi chữ “R” vào các hóa đơn. Các hóa đơn này do bà Đ ghi và giao cho bà L giữ, ngoài ra bà L còn ghi vào sổ riêng của bà để theo dõi. Theo hai bên thống nhất hiệu “R” nghĩa là chữ “Rồi”, nghĩa là các hóa đơn có viết chữ “R” đã thanh toán tiền xong. Như vậy, bà L khai bà Đ ghi thiếu số lượng gạo Nếp, T là không có căn cứ.

[3.6]. Từ phân tích nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị L không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 193/2024/DS-ST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị Đ và anh Phạm Hoàng M1 cùng trả số tiền 83.368.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Bùi Thị L.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn bà Bùi Thị L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 15 giờ 10 ngày 12 tháng 11 năm 2024, có mặt bà L, bà Đ, vắng mặt Luật sư M, anh M1.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính